

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày: 27/04/2018

Về việc: "Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ - TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trọng Hàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Trà Giang.

2. Bà Lê Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương- Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh K T, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST- DS ngày 02/01/2018 (Thụ lý cũ số: 36/2017/TLST- DS ngày 09/11/2017) về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 19/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐHPT-DS ngày 10/04/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh K T.

Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước H

Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh K T. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2017; đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/11/2017, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:*

Ngày 02/02/2015 vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước H có đến vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả và thỏa thuận miệng với mức lãi suất là 1%/tháng. Nhưng hết thời hạn 10 ngày thì vợ chồng bà Th, ông H không trả cho nguyên đơn số tiền trên và đến nhà nguyên đơn thỏa thuận trả cho nguyên đơn

mỗi tháng 10 triệu cho đến khi trả hết số tiền. Đến ngày 04/8/2016 vợ chồng bà Th, ông H đã trả được 102.000.000 đồng (*Một trăm lẻ hai triệu đồng*) và viết giấy nợ lại 98.000.000 đồng (*Chín mươi tám triệu đồng*) với lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/ tháng và tiếp tục hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), nhưng kể từ đó đến nay vợ chồng bà Th, ông H không trả cho nguyên đơn số tiền trên như đã hứa. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T, ông H trả số tiền gốc 98.000.000 đồng (*Chín mươi tám triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/8/2016 cho đến khi nộp đơn khởi kiện là 15 tháng tạm tính là $98.000.000đ \times 15 \text{ tháng} \times 1\% / \text{tháng} = 14.700.000đ$ (*Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*).

- Ngày 19/12/2017 nguyên đơn làm đơn xin rút một phần đơn khởi kiện: Với lý do vợ chồng bà Th, ông H đã trả 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) tiền lãi nên nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền gốc là 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*) và tiền lãi đã trừ đi 9.000.000 đồng là còn 5.700.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm nghìn đồng*)

** Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước H có bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay trình bày với nội dung:*

Từ ngày 02/02/2015 vợ chồng bị đơn có vay chị Nguyễn Thị Thu S số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), hẹn 10 ngày trả nhưng vì khó khăn về kinh tế nên khi đến hạn vợ chồng bị đơn chưa trả được số tiền trên cho nguyên đơn. Sau đó hai bên thỏa thuận trả dần số tiền trên, đến đầu năm 2016 vợ chồng bị đơn đã trả được gốc và lãi là 135.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*); Còn nợ lại tiền gốc 98.000.000 đồng (*Chín mươi tám triệu đồng*) và thỏa thuận miệng lãi suất 1%/ tháng và thỏa thuận trả dần hàng tháng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi hết nợ. Nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên từ đó đến nay vợ chồng bị đơn mới trả được 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*) sau đó thì vợ chồng bị đơn không trả được nữa. Nguyên đơn bà Sang khởi kiện yêu cầu phải trả 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*) thì vợ chồng bị đơn đồng ý và xin được trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) kể từ tháng 3/2018 cho đến hết số tiền nợ; Còn về tiền lãi suất phát sinh là: $98.000.000đ \times 15 \text{ tháng} \times 1\% / \text{tháng} = 14.700.000đ$ vợ chồng bị đơn cũng đồng ý, nhưng vì hiện nay vợ chồng bị đơn không có điều kiện nên xin nguyên đơn không phải trả số tiền lãi này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” do bà Nguyễn Thị Thu S khởi kiện. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước H cư trú tại Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh K T. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh K

T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[2] *Nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Thu S cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước H vay số tiền 200.000.000 đồng, hẹn trong vòng 10 ngày trả tiền, khi vay tiền các bên có viết giấy nhận nợ với nhau. Khi đến thời hạn trả nợ bị đơn không trả nợ nên các bên thỏa thuận mỗi tháng bị đơn phải trả 10 triệu đồng cho nguyên đơn. Đến ngày 04/8/2016 bị đơn đã trả được 102.000.000 đồng và viết giấy nợ lại 98.000.000 đồng; các bên đương sự thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/ tháng nhưng từ đó đến nay phía bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn. Do vợ chồng bà Th và ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 25/10/2017 bà Nguyễn Thị Thu S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền gốc 98.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong vòng 15 tháng kể từ ngày 04/8/2016 cho đến ngày nộp đơn là $98.000.000đ \times 15 \text{ tháng} \times 1\% / \text{tháng} = 14.700.000 \text{ đồng}$. Đến ngày 19/12/2017 nguyên đơn xin rút một phần đơn khởi kiện do bị đơn đã trả 9.000.000 đồng tiền lãi nên nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả 98.000.000 đồng tiền gốc và 5.700.000 đồng tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng bà Th, ông H đều tìm cách tránh né, không hợp tác, cố tình kéo dài vụ án; Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật. Theo bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Th, ông H công nhận có nợ bà S số tiền gốc 98.000.000 đồng tiền và chấp nhận số tiền lãi phát sinh là 14.700.000 đồng. Bị đơn khẳng định đã trả cho bà S số tiền lãi là 17.000.000 đồng tiền lãi, nhưng khi Tòa án yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh bị đơn đã trả bà S số tiền trên thì bị đơn lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì. Bị đơn bà Tvà ông H xin được trả dần hàng tháng cho bà S số tiền là 2.000.000 đồng kể từ tháng 3/2018 cho đến hết tiền gốc và còn tiền lãi suất phát sinh bị đơn xin không phải trả số tiền lãi này vì do điều kiện hoàn cảnh khó khăn.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 98.000.000đ tiền gốc và 5.700.000đ tiền lãi phát sinh; Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước H thừa nhận vào ngày 02/02/2015 có vay của nguyên đơn 200.000.000đ nhưng sau đó đã trả được gốc và lãi phát sinh là 135.000.000đ (Trong đó: 102.000.000đ tiền gốc và 33.000.000đ tiền lãi). Bị đơn công nhận đang còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 98.000.000đ và hai bên viết giấy nhận nợ đề ngày 04/8/2016. Việc lập hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự là tự nguyện và đảm bảo các điều kiện quy định tại điều 122, khoản 1 điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005 và căn cứ theo khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Thu S và bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước H là có thật. Căn cứ theo khoản 1 điều 477 Bộ luật dân sự 2005

xét thấy: Mặc dù, bà S đã báo trước một thời gian hợp lý và nhiều lần yêu cầu bà Th, ông H trả khoản nợ nhưng phía bị đơn vẫn không trả thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản vay bất cứ lúc nào. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu S số tiền gốc 98.000.000 đồng (*Chín mươi tám triệu đồng*) tiền gốc. Việc bị đơn bà Th và ông H xin được trả dần hàng tháng cho bà S số tiền là 2.000.000 đồng kể từ tháng 3/2018 cho đến hết tiền gốc nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

- *Về yêu cầu tính lãi suất*: Hội đồng xét xử xét thấy trong giấy nhận nợ các bên đương sự không thỏa thuận lãi suất cụ thể bao nhiêu, mà chỉ được thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/ tháng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh được tính cụ thể như sau: $98.000.000đ \times 15 \text{ tháng} \times 1\% / \text{tháng} = 14.700.000đ$. Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện, do bị đơn đã trả 9.000.000đ tiền lãi suất nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 5.700.000đ tiền lãi phát sinh. Tại phiên tòa hôm nay bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là 9.000.000 đồng tiền lãi yêu cầu trên là tự nguyện HĐXX xét thấy là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th và ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mình đã trả cho bà S số tiền 17.000.000 đồng nên HĐXX không đủ cơ sở để xác định bà Th, ông H đã trả bà S số tiền trên. Bị đơn xin nguyên đơn không phải trả số tiền lãi phát sinh vì gia đình đang khó khăn nhưng bà S không đồng ý vì vậy HĐXX không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy số tiền lãi phát sinh bị đơn phải trả cho nguyên đơn được xác định như sau: $14.700.000đ - 9.000.000đ = 5.700.000đ$ (*Năm triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Trên cơ sở các vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Phước H còn nợ bà Nguyễn Thị Thu S số tiền gốc 98.000.000đ và tiền lãi 5.700.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 103.700.000 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu bảy trăm ngàn đồng*). Do vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Đơn khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn (bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên số tiền tranh chấp là: $103.700.000đ \times 5\% = 5.185.000đ$ (*Năm triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng*);

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, Khoản 1 Điều 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu S.

Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu S số tiền 103.700.000đ (Một trăm lẻ ba triệu bảy trăm ngàn đồng). Trong đó: số tiền gốc 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ tháng 01/2017 đến khi giải quyết xong là: 5.700.000đ (*Năm triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà S có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Th, ông H chưa trả đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất đã được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phước H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.185.000đ (*Năm triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng*);

- Bà Nguyễn thị Thu S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu S số tiền: 2.817.500đ theo biên lai số AA/2010/0009289 ngày 09/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (27/4/2018) nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Các đương sự ;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Trọng Hàn

